

Bản án số: 484/2017/HS-PT

Ngày 14 tháng 9 năm 2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Quốc Khởi;

Các Thẩm phán: Ông Đỗ Đình Thanh;

Ông Đặng An Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ưc Minh Thanh Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Vi Dũng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 09 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 226/2017/TLPT-HS ngày 15 tháng 5 năm 2017 đối với các bị cáo Phạm Thị Tuyết M và bị cáo Nguyễn Hữu K. Do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 96/2017/HSST ngày 17/3/2017 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh .

*** Bị cáo có kháng cáo:**

1/ Phạm Thị Tuyết M; Giới tính: Nữ; Sinh năm: 1959, tại Thành phố Hồ Chí Minh; Thường trú: 19/12 (số mới 13/19) TKX, phường 3, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh; Trình độ văn hóa: 12/12; Nghề nghiệp: Nguyên Kế toán trưởng kiêm Trưởng phòng Kế hoạch – Tài vụ Trung tâm giáo dục kỹ thuật tổng hợp hướng nghiệp LTHG; Con ông Phạm Văn Đ (chết) và bà Nguyễn Thị H (chết); Hoàn cảnh gia đình: không có chồng, con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại (có mặt).

2/ Nguyễn Hữu K; Giới tính: Nam; Sinh năm: 1956, tại tỉnh Long An; Thường trú: 451/84A PTH, phường 3, quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh; Trình độ văn hóa: 12/12; Nghề nghiệp: Nguyên Giám đốc Trung tâm giáo dục kỹ thuật tổng hợp hướng nghiệp LTHG; Con ông Nguyễn Hữu T và bà Phạm Thị B (chết); Hoàn cảnh gia đình: có vợ và 02 con, lớn sinh năm 1988, nhỏ sinh năm 1993; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại (có mặt).

- *Người bào chữa cho các bị cáo Vũ Thị Hồng V, Nguyễn Hữu K: Luật sư Đỗ Hải B1 - Văn phòng Luật sư Lê B1, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).*

(Ngoài ra trong vụ án còn có bị cáo Vũ Thị Hồng V; Nguyên đơn dân sự là Trung tâm Giáo dục kỹ thuật tổng hợp hướng nghiệp LTHG không có kháng cáo, không bị kháng nên Tòa không triệu tập).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trung tâm Giáo dục kỹ thuật tổng hợp hướng nghiệp LTHG là đơn vị sự nghiệp công lập (*dưới đây gọi tắt là Trung tâm*), trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh, trụ sở số 147 P, quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh. Trung tâm hoạt động theo chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính theo Quyết định số 5920/QĐ-UBND ngày 06/12/2011, Quyết định số 6297/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 của Ủy Ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh. Trung tâm do ông Nguyễn Hữu K làm giám đốc.

Trung tâm có nhiều Phòng, Ban chức năng, trong đó có Phòng Kế hoạch – Tài vụ do bà Phạm Thị Tuyết M – Kế toán trưởng làm Trưởng phòng, chịu trách nhiệm phụ trách chung. Phòng Kế hoạch – Tài vụ có nhiệm vụ lập hồ sơ tài chính, quản lý ngân sách thu, chi tài chính, thống kê quyết toán theo quy định của Nhà nước và soạn thảo, đơn đốc các đơn vị trong Trung tâm thực hiện hợp đồng kinh tế với các tổ chức, cá nhân ngoài Trung tâm, theo đó công việc cụ thể là: Kế toán; thanh toán thu, chi; lập các phiếu thu chi theo yêu cầu; thực hiện nghiệp vụ kế toán tổng hợp khối hành chính sự nghiệp; lập các báo cáo tháng, quý nộp theo định kỳ yêu cầu (*dự toán chi năm, dự toán chi quý, kế hoạch rút tiền mặt chi quý, quyết toán chi quý với Kho bạc, quyết toán chi quý với Sở, ban ngành, lập chứng từ ghi sổ thu, chi của tháng và lập các báo cáo tài chính đột xuất theo yêu cầu*); thực hiện nghiệp vụ kế toán ngân hàng; thực hiện nghiệp vụ kế toán tổng hợp quỹ thu sự nghiệp; thực hiện công tác kế hoạch; thực hiện công tác thu ngân; thực hiện công tác thủ quỹ...

Phòng Kế hoạch – Tài vụ có 02 cán bộ thu ngân, 02 cán bộ làm công tác kế toán và 01 cán bộ thủ quỹ. Vũ Thị Hồng V được phân công làm thủ quỹ đơn vị. Kế toán trưởng, 02 cán bộ kế toán và thủ quỹ được bố trí làm việc chung trong cùng một phòng, kết sắt cất giữ toàn bộ tiền của Trung tâm được đặt cạnh bàn của thủ quỹ. Kết sắt được quản lý theo chế độ mã số và chìa khóa tay (*chỉ có 1 chìa duy nhất do thủ quỹ giữ và sử dụng*). Cuối mỗi ngày làm việc, thủ quỹ kiểm tra tiền mặt, tự viết giấy niêm phong, dán kín ổ khóa kết sắt trước khi ra về.

Tiền quỹ trong kết sắt của Trung tâm gồm các nguồn: Quỹ do ngân sách Nhà nước cấp theo dự toán hàng năm; thu từ học phí chính khóa của học sinh; thu từ tiền học phí ngoài giờ của học sinh; quỹ sự nghiệp thu từ hoạt động hợp đồng liên kết với các đơn vị khác; quỹ Đảng phí và Công đoàn phí. Ngoài ra, còn tiền xăng dầu tương đương 500 lít xăng (*theo thời giá*) do ngân sách cấp dự toán theo

định mức để sử dụng cho xe công vụ và khoản tiền quỹ của Hội phụ huynh học sinh được Ban đại diện cha mẹ học sinh gửi cất giữ tại kết sắt.

Quy trình thu, chi tiền mặt ghi sổ và báo cáo tài chính của Trung tâm được thực hiện như sau:

- Đối với nghiệp vụ chi: Khi phát sinh nghiệp vụ chi tiền mặt, người nhận tiền viết phiếu đề nghị chi, ký tên trên phiếu đề nghị này và trình Giám đốc ký tên, sau đó giao phiếu đề nghị chi cho kế toán lập phiếu chi, phiếu chi và phiếu đề nghị chi được chuyển cho thủ quỹ để chi tiền.

- Đối với nghiệp vụ thu: Khi phát sinh nghiệp vụ thu tiền, người nộp tiền đề nghị kế toán lập phiếu thu (*trường hợp thu của nhiều người thì lập danh sách thu*), sau đó mang tiền đến nộp cho thủ quỹ. Cuối tháng, thủ quỹ tập hợp phiếu thu trình Kế toán trưởng ký tên cùng với các phiếu chi, sau đó giao lại cho nhân viên kế toán để kiểm tra và lưu hồ sơ.

Các nghiệp vụ thu, chi đều được nhân viên kế toán cập nhật trên máy vi tính hàng tháng, hàng quý, được in ra trình Giám đốc và Kế toán trưởng kiểm tra, ký tên, xác nhận. Sổ quỹ được cập nhật hàng ngày, cuối tháng thủ quỹ tổng hợp sổ, đối chiếu với ghi chép kế toán và chứng từ thu, chi sau đó trình kế toán trưởng và Giám đốc ký tên xác nhận.

Theo quy trình kiểm tra quỹ tiền mặt định kỳ của Trung tâm, vào cuối mỗi tháng Kế toán trưởng cùng Thủ quỹ sẽ tiến hành kiểm tra tiền quỹ thực tế tại kết sắt, đối chiếu với tổng số tiền quỹ tồn trên sổ sách của các loại quỹ. Việc kiểm tra phải lập biên bản và những người cùng thực hiện phải ký tên vào biên bản.

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao, Vũ Thị Hồng V, Phạm Thị Tuyết M và Nguyễn Hữu K đã có các hành vi vi phạm như sau:

1/ *Hành vi tham ô 2.150.393.696 đồng tiền quỹ của Vũ Thị Hồng V:*

Vũ Thị Hồng V được Trung Tâm tuyển dụng công chức ngày 20/12/2005 và được phân công làm công tác thủ quỹ từ tháng 10/1999 đến 31/7/2014 (thời điểm 1999- 2005 ký Hợp đồng lao động không thời hạn với Trung tâm), có nhiệm vụ là: “*Thu và quản lý các loại quỹ, cùng kế toán cân đối thu chi; hàng tháng tổng hợp, báo cáo số lượng tiền mặt của các lớp nộp về và số dư quỹ để cho Kế toán báo cáo Giám đốc;... chỉ được phát tiền khi có phiếu chi hoặc phiếu tạm ứng do Giám đốc ký duyệt....*”. Trong thời gian này, lợi dụng nhiệm vụ được giao là quản lý quỹ tiền mặt của Trung tâm và sự quản lý lỏng lẻo, thiếu kiểm tra của Kế toán trưởng, Giám đốc, từ tháng 02/2014 đến tháng 9/2014, V đã nhiều lần chiếm đoạt tiền quỹ tại kết sắt để tiêu xài cá nhân, tổng cộng 2.150.393.696 đồng với cách thức cụ thể như sau:

Ngày 31/01/2014, qua việc kiểm tra định kỳ xác định: Tổng của 04 loại quỹ trên sổ sách là 2.253.599.179 đồng, trong đó: Quỹ ngân sách là 0 đồng; quỹ sự nghiệp 866.814.421 đồng; quỹ bồi dưỡng văn hóa 721.000.311 đồng; quỹ học phí 665.784.447 đồng. Số tiền kiểm kê thực tế là 2.253.600.000 đồng (số tiền mặt tại quỹ phù hợp với số tiền tồn trên sổ sách). Ngoài ra, tại thời điểm này, kết sắt

còn cất giữ quỹ Công đoàn phí 15.711.368 đồng; quỹ Đảng phí 5.839.100 đồng và tiền mua xăng do lái xe ký gửi thủ quỹ là 12.430.000 đồng.

Cuối tháng 02/2014, đến thời điểm kiểm tra quỹ định kỳ, V báo cho Phạm Thị Tuyết M biết thời gian qua V đã lấy tiền quỹ sử dụng cho mục đích cá nhân. Vì kinh doanh thua lỗ nên V lấy khoảng 1,9 tỷ đồng để trả nợ, do trực tiếp quản lý quỹ nên V lấy nhiều lần, mỗi lần lấy V không kiểm đếm nên không xác định chính xác số tiền của từng lần. V xin M giúp không báo cho Ban Giám đốc và bất kỳ người nào biết sự việc. M đồng ý và yêu cầu V nhanh chóng hoàn trả lại tiền cho Trung tâm. Từ tháng 02/2014 đến tháng 7/2014, V vẫn thực hiện nghiệp vụ thu chi tiền mặt như bình thường, hàng tháng M vẫn thực hiện đối chiếu sổ sách kế toán, sổ quỹ và trình giám đốc ký duyệt nhưng không kiểm tra quỹ tiền mặt lần nào. Lợi dụng sự tiếp tay, che dấu của M, V tiếp tục nhiều lần chiếm đoạt tiền quỹ của Trung tâm khi phát sinh các khoản thu.

Để che giấu hành vi phạm tội, toàn bộ số tiền thu được trong ngày V đều cho ngay vào két sắt. Mỗi lần muốn chiếm đoạt tiền quỹ, V đợi cuối buổi làm việc, khi mọi người đã về hết, V mở két lấy tiền cho vào túi xách cá nhân, đóng cửa két sắt, niêm phong két sắt như bình thường rồi mang tiền về. V không lấy hết tiền quỹ một lần mà thường xuyên để lại khoảng 200.000.000 đồng để phục vụ nghiệp vụ chi hàng ngày hoặc lấy khoản thu mới để chi. Khi phát sinh chi nhiều hơn thu, không đủ tiền, V vay mượn bên ngoài để trả lại một phần, khi quỹ có nhiều khoản thu mới, V lại tiếp tục chiếm đoạt sử dụng.

Từ ngày 01/8/2014, V được bổ nhiệm làm Kế toán trưởng (*thay Phạm Thị Tuyết M nghỉ hưu*) nên V phải bàn giao quỹ tiền mặt và công việc thủ quỹ cho thủ quỹ mới là Lê Thị Bích T1. Do chưa có tiền bàn giao nên V trì hoãn với lý do bận bàn giao công việc với bà M, đồng thời tiếp tục thực hiện các nghiệp vụ thu chi nhưng để T1 ký tên tại phần thủ quỹ của các chứng từ. Cuối tháng 8/2014, T1 đề nghị V bàn giao tiền để phát lương cho giáo viên của Trung tâm. Ngày 27/8/2014, V cùng T1 kiểm đếm tiền mặt tại két sắt thấy chỉ còn 201.300.000 đồng. V bàn giao toàn bộ số tiền cùng chìa khóa két sắt cho T1, (việc giao nhận tiền có ký vào Sổ giao tiền). Sau 10 ngày V vẫn chưa bàn giao đủ số tiền quỹ theo sổ sách nên T1 báo cáo đến Ban Giám đốc hành vi vi phạm của V.

Đối chiếu kiểm tra sổ sách, chứng từ kế toán và sổ quỹ, xác định: Từ ngày 01/02/2014 đến ngày 13/9/2014, các khoản tiền chênh lệch như sau:

- Tổng số tiền V trực tiếp thu là 2.768.799.589 đồng (có phiếu thu kèm theo, phù hợp với chứng từ kế toán. Trong đó quỹ ngân sách là 94.265.000 đồng, quỹ học phí là 1.249.056.100 đồng, quỹ bồi dưỡng văn hóa là 531.065.000 đồng, quỹ sự nghiệp là 837.669.169 đồng, quỹ Đảng phí 9.010.670 đồng và Công đoàn phí là 47.773.650 đồng). Trong số này có 18 chứng từ đã hạch toán sổ sách nhưng thực tế vẫn chưa thu đủ theo danh sách là 6.761.215 đồng).

- Tổng số tiền V trực tiếp chi 2.805.571.144 đồng (có phiếu chi kèm theo, phù hợp với chứng từ kế toán. Trong đó, quỹ ngân sách là 79.247.628 đồng, quỹ học phí là 1.472.440.530 đồng, quỹ bồi dưỡng văn hóa là 500.925.638 đồng, quỹ sự nghiệp là 699.276.965 đồng, Đảng phí là 3.091.300 đồng, Công đoàn phí là

50.589.083 đồng). Trong số này có 29 chứng từ đã hạch toán sổ sách nhưng thực tế V chưa chi là theo danh sách là 54.522.500 đồng.

- Trong các ngày 02/6/2014, 30/6/2014 và 31/7/2014, V đã thu tiền nộp thuế thu nhập của 3 nhân viên và thu hồi tạm ứng của 02 nhân viên, tổng cộng 2.575.819 đồng (người nộp tiền có ký nhận vào danh sách) nhưng V chưa cập nhật chứng từ, sổ sách.

- Từ ngày 28/7/2014 đến ngày 19/8/2014, Lê Thị Bích T1 04 lần gửi V giữ 800.000.000đ tiền thu học phí của học sinh (việc giao nhận tiền có ký sổ tiền gửi). Vào các ngày 28/8, 22/9 và 30/9/2014, T1 đã ba lần nhận lại tổng cộng 743.501.500 đồng, còn lại 56.498.500 đồng chưa nhận.

- Đối với số tiền tài xế ký gửi để phục vụ chi mua xăng, tính đến ngày 26/8/2014 còn tồn 6.480.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền Vũ Thị Hồng V đã chiếm đoạt của Trung tâm LTHG là: 2.150.393.696 đồng.

Ngoài ra Vũ Thị Hồng V còn chiếm dụng số tiền kinh phí hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh năm học 2014 -2015, do các giáo viên chủ nhiệm thu hộ, nộp cho Vũ Thị Hồng V cất giữ tổng cộng 43.890.000 đồng.

Sau khi vụ việc bị phát hiện, Vũ Thị Hồng V và gia đình đã nộp 110 triệu đồng để khắc phục một phần hậu quả.

Tại cơ quan điều tra, Vũ Thị Hồng V thừa nhận hành vi phạm tội như trên. V khai, toàn bộ số tiền chiếm đoạt đã sử dụng để trả nợ ngân hàng và trả lãi cho một số khoản vay mà V đã vay từ trước đó của nhiều người khác nhau, hiện V không còn khả năng khắc phục hậu quả (BL: 1655-1657; 1669 -1672).

2/ Hành vi che giấu sai phạm cho Vũ Thị Hồng V của Phạm Thị Tuyết M – Kế toán trưởng kiêm Trưởng phòng Kế hoạch – Tài vụ:

Phạm Thị Tuyết M được bổ nhiệm Kế toán trưởng, kiêm Trưởng phòng Kế hoạch – Tài vụ Trung tâm năm 2000, đến tháng 01/8/2014 nghỉ hưu theo chế độ.

Quá trình làm Kế toán trưởng, M chịu trách nhiệm quản lý mọi hoạt động của đơn vị, đồng thời hàng tháng trực tiếp kiểm tra đối chiếu sổ quỹ, sổ kế toán và kiểm đếm tiền mặt, lập biên bản kiểm đếm với thủ quỹ Vũ Thị Hồng V. Tuy nhiên, cuối tháng 02/2014, trước thời điểm kiểm quỹ định kỳ giữa V và M, V báo cho M biết việc mình đã lấy tiền quỹ của Trung tâm sử dụng vào mục đích cá nhân, hiện không có tiền trả lại. V xin M giúp không báo sự việc cho Ban Giám đốc Trung tâm và những người khác biết, V hứa sẽ nhanh chóng hoàn lại số tiền đã lấy. M tự kiểm tra sổ sách, xác định số tiền quỹ còn khoảng 2,2 tỷ đồng. Mặc dù biết hành vi của V là sai, nhưng M vẫn đồng ý giúp V, không báo cho Ban giám đốc biết. Tiếp theo, từ tháng 02/2014 đến hết tháng 07/2014, M không tiến hành kiểm tra quỹ tiền mặt tại kết sát lần nào nữa vì nghĩ V đã chiếm đoạt toàn bộ tiền quỹ. M cũng không theo dõi, quản lý lại việc thu và chi quỹ của V trong khoảng thời gian này, M chỉ theo dõi quỹ trên sổ sách, không biết số tiền quỹ thực tồn là bao nhiêu, tiền quỹ V sử dụng như thế nào. Mỗi lần Trung tâm phát

sinh các khoản chi, V đều vay tiền bên ngoài để chi đầy đủ nên M nghĩ V đã có tiền trả lại một phần quỹ. Thực tế, trong thời gian này, V đã lợi dụng việc M không kiểm tra quỹ để tiếp tục chiếm đoạt các khoản phát sinh mới của Trung tâm. Khi Trung tâm có nhu cầu chi, thì V vay mượn bên ngoài để trả một phần tiền.

Tháng 7/2014, khi đến gần thời điểm nghỉ hưu, dù biết V có hành vi tham ô tiền quỹ, chưa khắc phục hậu quả, nhưng M vẫn đề nghị Lãnh đạo Trung tâm và được lãnh đạo đồng ý bổ nhiệm Vũ Thị Hồng V làm Kế toán trưởng thay cho M. Sau đó, M và V đã lập các biên bản kiểm kê quỹ tiền mặt hàng tháng từ tháng 02/2014 đến 07/2014 để cả hai cùng ký tên hợp thức hóa chứng từ bàn giao theo sổ sách nhằm che giấu hành vi phạm tội của V trước đó.

Tại cơ quan điều tra, Phạm Thị Tuyết M thừa nhận hành vi phạm tội của mình như trên. M khai: Do quan hệ đồng nghiệp nhiều năm nên M đồng ý với đề nghị của V không báo cho lãnh đạo biết việc V đã lấy tiền quỹ của Trung tâm để sử dụng. Đồng thời, M cũng tin lời hứa của V là sẽ bán nhà để hoàn trả toàn bộ tiền cho Trung tâm. Từ tháng 02/2014 đến khi bàn giao cho V để nghỉ hưu theo chế độ, M không tiến hành kiểm tra quỹ tiền mặt, các chứng từ kiểm quỹ là được hợp thức hóa sau này.

3/ Hành vi thiếu trách nhiệm của Nguyễn Hữu K – Giám đốc Trung tâm LTHG, tạo sơ hở để Vũ Thị Hồng V chiếm đoạt 2.150.393.696 đồng của Trung tâm LTHG:

Nguyễn Hữu K được bổ nhiệm chức vụ Giám đốc Trung tâm LTHG từ 03/2008 đến nay, là người chịu trách nhiệm quản lý chung toàn bộ mọi hoạt động của đơn vị, kiêm nhiệm vụ phụ trách Phòng Kế toán – Tài vụ. Hàng năm, Trung tâm đều thành lập Ban kiểm tra nội bộ, do Nguyễn Hữu K làm trưởng ban, Ban kiểm tra có nhiệm vụ thành lập các đoàn kiểm tra chéo giữa các Phòng, Ban, Đơn vị trực thuộc Trung tâm. Thời điểm tháng 3/2014, Trung tâm có thực hiện kiểm tra toàn bộ sổ sách kế toán, sổ quỹ và chứng từ của Phòng Kế hoạch Tài vụ và kết luận “hồ sơ, sổ sách được bảo quản, in ấn sạch sẽ, rõ ràng, có một số thiếu sót nhỏ (nhắc nhở)...”. Tuy nhiên lại không thực hiện công tác kiểm tra quỹ tiền mặt tại đơn vị và cũng không phát hiện sai sót trên. Ngoài ra, đối với công tác kiểm quỹ tiền mặt, theo quy định của Bộ Tài chính thì việc kiểm quỹ phải do 03 người cùng thực hiện, cùng ký tên trên biên bản. Tuy nhiên, trong một thời gian dài (từ năm 2006 – đến tháng 7/2014), Phạm Thị Tuyết M chỉ thực hiện cùng với thủ quỹ, nhưng do không kiểm tra nên K không phát hiện. Việc không thực hiện đầy đủ các chế độ kiểm tra theo quy định, buông lỏng công tác quản lý tài chính, công tác chỉ đạo điều hành đơn vị do chính mình trực tiếp phụ trách đã tạo điều kiện cho Vũ Thị Hồng V chiếm đoạt tiền quỹ của Trung tâm, Phạm Thị Tuyết M che giấu cho V nhưng Nguyễn Hữu K không biết.

Tại cơ quan điều tra, Nguyễn Hữu K khai nhận: Do tin tưởng Kế toán trưởng là Phạm Thị Tuyết M và thủ quỹ Vũ Thị Hồng V nên Nguyễn Hữu K chỉ ký duyệt trên các báo cáo tài chính, sổ quỹ, sổ kế toán mà không kiểm tra thực tế công tác của Phòng Kế hoạch – Tài vụ, nên V đã lợi dụng sơ hở này để chiếm đoạt tiền quỹ của Trung tâm.

Bản án hình sự sơ thẩm số 96/2017/HSST ngày 17/3/2017, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo: Vũ Thị Hồng V phạm tội: “*Tham ô tài sản*”; Phạm Thị Tuyết M phạm tội: “*Che giấu tội phạm*”; Nguyễn Hữu K phạm tội: “*Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng*”.

- Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 278; các điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 33; Điều 45 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Vũ Thị Hồng V 20 năm tù.

- Áp dụng khoản 2 Điều 313; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 33; Điều 45 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Phạm Thị Tuyết M 02 năm tù.

- Áp dụng khoản 2 Điều 285, các điểm p, s khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47; Điều 33; Điều 45 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu K 02 năm 06 tháng tù.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về phân trách nhiệm dân sự, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 20/3/2017 các bị cáo Nguyễn Hữu K, Phạm Thị Tuyết M có đơn kháng cáo xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Nguyễn Hữu K giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; bị cáo Phạm Thị Tuyết M bổ sung yêu cầu được giảm án và hưởng án treo. Quan điểm của kiểm sát viên phân tích đánh giá hành vi của từng bị cáo cho rằng: bản án sơ thẩm xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu K mức án 02 năm 06 tháng tù về tội “*Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng*” và bị cáo Phạm Thị Tuyết M mức án 02 năm tù về tội “*Che giấu tội phạm*” là có căn cứ, tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi và hậu quả mà các bị cáo đã gây ra nên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Hữu K, Phạm Thị Tuyết M; Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Luật sư bào chữa cho các bị cáo Nguyễn Hữu K, Phạm Thị Tuyết M lập luận rằng: Trong quá trình thực hiện chức trách được giao bị cáo Nguyễn Hữu K đã thực hiện đúng và đầy đủ nhiệm vụ theo quy định của pháp luật, nên đề nghị xem xét lại tội danh và hình phạt cho bị cáo. Đối với bị cáo Phạm Thị Tuyết M luật sư đề nghị xem lại bị cáo phạm tội theo khoản 1 hay khoản 2 Điều 313 của Bộ luật hình sự năm 1999 và cho rằng ở bị cáo Phạm Thị Tuyết M đã được đơn vị nơi bị cáo công tác đánh giá xếp loại có thành tích xuất sắc trong công tác nhiều năm liền; đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự, chưa được cấp sơ thẩm xem xét và đề nghị cấp phúc thẩm xem xét chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét toàn diện, đầy đủ tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1] Bị cáo Vũ Thị Hồng V là thủ quỹ của Trung tâm giáo dục kỹ thuật tổng hợp hướng nghiệp LTHG từ tháng 10/1999; đây là đơn vị sự nghiệp công lập. Trong thời gian từ tháng 2/2014 đến tháng 9/2014, bị cáo đã lợi dụng nhiệm

vụ được giao trong quản lý quỹ tiền mặt của đơn vị để chiếm đoạt số tiền 2.150.393.696 đồng chi xài cho cá nhân.

[2] Đối với bị cáo Nguyễn Hữu K với chức vụ Giám đốc Trung tâm giáo dục kỹ thuật tổng hợp hướng nghiệp LTHG; bị cáo là người chịu trách nhiệm chung mọi hoạt động của đơn vị; đồng thời còn kiêm nhiệm phụ trách phòng Kế toán- Tài vụ. Theo quy định hàng năm, Trung tâm đều có thành lập Ban kiểm tra nội bộ do bị cáo Nguyễn Hữu K làm trưởng ban, nhưng do sự tin tưởng cấp dưới, nên bị cáo đã buôn lỏng, thiếu sự kiểm tra giám sát; thậm chí khoán trắng cho thủ quỹ và kế toán tự kiểm tra quỹ tiền mặt của đơn vị, sau đó báo cáo cho bị cáo Nguyễn Hữu K bằng hình thức thông qua ký các biên bản kiểm tra nêu trên (Trong khi theo quy định của Bộ Tài chính thì việc kiểm tra quỹ tiền mặt phải có đủ 3 người: Chủ tài khoản, Kế toán, Thủ quỹ). Mặt khác, theo quy chế, quy định quỹ tiền mặt tại thủ quỹ của Trung tâm không được để vượt quá 500.000.000 đồng tiền mặt. Trong thực tế qua số liệu của thủ quỹ, kế toán báo cáo hàng tháng trình cho bị cáo Nguyễn Hữu K ký thì số liệu quỹ tiền mặt tồn tại quỹ đều trên 2 tỷ đồng, nhưng bị cáo Nguyễn Hữu K không hề có ý kiến chỉ đạo thực hiện để quỹ tiền mặt theo quy chế, quy định.

Chính hành vi buôn lỏng, thiếu sự kiểm tra giám sát, thực hiện không đầy đủ các quy định của Nhà nước trong quản lý tài chính của bị cáo Nguyễn Hữu K nêu trên, đã điều kiện sơ hở trong quản lý để bị cáo Vũ Thị Hồng V thực hiện, hoàn thành hành vi chiếm đoạt được số tiền 2.150.393.696 đồng của Trung tâm giáo dục kỹ thuật tổng hợp hướng nghiệp LTHG trong thời gian dài không bị phát hiện.

Đối với bị cáo bị cáo Phạm Thị Tuyết M giữ chức vụ kế toán trưởng của Trung tâm kiêm Trưởng phòng Tài chính. Từ cuối tháng 2/2014 đến thời điểm kiểm tra quỹ định kỳ, bị cáo Mai biết việc bị cáo Vân chiếm dụng tiền quỹ chi xài cá nhân. Lẽ ra trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ trực tiếp kiểm quỹ, đối chiếu sổ sách thì bị cáo Phạm Thị Tuyết M phải báo cáo sự việc trên cho Ban giám đốc và những người có thẩm quyền biết để có hướng giải quyết, nhưng bị cáo Mai lại tiếp tục thực hiện nghiệp vụ thu chi tiền mặt như bình thường, đối chiếu sổ sách kế toán, sổ quỹ trình giám đốc ký duyệt, nhưng thực tế không kiểm tra quỹ tiền mặt lần nào và bị cáo Phạm Thị Tuyết M còn cố tình ký khống hợp thức hóa các biên bản kiểm tra quỹ nhằm che giấu hành vi phạm tội của bị cáo Vũ Thị Hồng V.

Với hành vi và hậu quả xảy ra nêu trên, Bản án hình sự sơ thẩm 96/2017/HSST ngày 17/3/2017 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tuyên bố bị cáo Nguyễn Hữu K phạm tội “ *Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng*” theo quy định tại khoản 2 Điều 285 của Bộ luật hình sự năm 1999; bị cáo Phạm Thị Tuyết M phạm tội “ *Che dấu tội phạm*” quy định tại khoản 2 Điều 313 của Bộ luật hình sự năm 1999 là tương xứng với tính chất mức độ, hành vi và hậu quả đã gây ra của các bị cáo.

Xét kháng cáo xin giảm án và hưởng án treo của các bị cáo Nguyễn Hữu K, Phạm Thị Tuyết M; Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

Tại khoản 2 Điều 285 của Bộ luật hình sự năm 1999 quy định chế tài hình phạt tù từ ba năm đến mười hai năm; Tuy nhiên do bị cáo Nguyễn Hữu K có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như thật thà khai báo, ăn năn hối cải, có nhiều thành tích xuất sắc trong công tác, nên bản án sơ thẩm đã áp dụng các điểm p, s khoản 1, 2 Điều 46; Điều 47 Bộ luật hình sự năm 1999 để xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu K mức án 02 năm 06 tháng tù là dưới khung hình phạt mà điều luật đã quy định. Vì vậy tại phiên tòa phúc thẩm không có căn cứ để xem xét giảm án hoặc cho bị cáo Nguyễn Hữu K hưởng án treo theo như kháng cáo của bị cáo.

Tại khoản 2 Điều 313 của Bộ luật hình sự năm 1999 quy định chế tài hình phạt tù từ hai năm đến bảy năm. Bản án sơ thẩm xử phạt bị cáo Phạm Thị Tuyết M mức án 2 năm tù, xét thấy cũng là tương xứng. Tuy nhiên, ở bị cáo Phạm Thị Tuyết M sau khi phạm tội cũng đã thật thà khai báo, ăn năn hối cải, có thời gian dài phục vụ cho sự nghiệp giáo dục, nên đã được tặng thưởng kỷ niệm chương vì sự nghiệp giáo dục và nhiều giấy khen khác; hơn nữa tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo đã xuất trình được các bảng đánh giá xếp loại hàng năm (*từ năm 2011 đến năm 2014*) của nhà trường đều được loại hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Vì vậy cần áp dụng thêm điểm s khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 để xem xét giảm nhẹ 1 phần hình phạt cho bị cáo Phạm Thị Tuyết M, đồng thời cũng vừa thể hiện được sự khoan hồng của pháp luật đối với những người có công đóng góp cho sự phát triển chung của đất nước.

Do không được chấp nhận kháng cáo nên bị cáo Nguyễn Hữu K phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định.

Các phần quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điểm a,b khoản 2 Điều 248 Bộ luật tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo bị cáo Nguyễn Hữu K; chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phạm Thị Tuyết M.

Sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 96/2017/HSST ngày 17/3/2017 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

1/. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hữu K phạm tội “*Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng*”; bị cáo Phạm Thị Tuyết M phạm tội “*Che giấu tội phạm*”.

2/. Áp dụng khoản 2 Điều 285; các điểm p, s khoản 1, 2 Điều 46; Điều 47; Điều 33; Điều 45 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt Nguyễn Hữu K 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

3/. Áp dụng khoản 2 Điều 313; các điểm p, s khoản 1, 2 Điều 46; Điều 47; Điều 33; Điều 45 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Phạm Thị Tuyết M 01 (một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

4/. Án phí hình sự phúc thẩm:

- Bị cáo Nguyễn Hữu K phải chịu 200.000 đồng.
- Bị cáo Phạm Thị Tuyết M không phải chịu.

5/. Các phần khác của Quyết định bản án hình sự sơ thẩm do không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại thành phố Hồ Chí Minh;
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Cục THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
- Công an Thành phố Hồ Chí Minh;
- Sở Tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh;
- BCTN (2);
- Lưu: VP (3), HS (2), 14b. (ÁN 08)

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Đặng Quốc Khởi